

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ R
TỈNH BẠC LIÊU**

Bản án số: 60/2022/HS-ST
Ngày 22 tháng 7 năm 2022

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ R, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thuý

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thành Nhận

Bà Cao Thị Mỹ Phượng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Đèo – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã R, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã R, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Trần Chí Linh, Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã R, tỉnh Bạc Liêu tiến hành mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 55/2022/TLST-HS ngày 16 tháng 5 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2022/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 5 năm 2022 đối với bị cáo:

- Họ tên: Nguyễn Minh A; sinh ngày 20/4/1993 tên gọi khác: Không

- Hộ khẩu thường trú: Khóm X, Phường Y, thị xã R, tỉnh Bạc Liêu ;

- Chỗ ở hiện nay: Khóm X, Phường Y, thị xã R, tỉnh Bạc Liêu;

- Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không;

- Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 4/12;

- Cha: Không xác định;

- Mẹ: Nguyễn Kiều Tr (đã chết);

- Anh chị em ruột có 04 người (tính luôn bị cáo), lớn nhất bị cáo, nhỏ nhất sinh năm 2000.

- Tiền án: Bản án số 49/2021/HS-ST, ngày 15/9/2021 của Toà án nhân dân thị xã R, tỉnh Bạc Liêu tuyên phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chưa được xoá án tích.

- Bị cáo bị khởi tố vào ngày 20/02/2022, bị cáo hiện đang tại ngoại.
- Bị hại: Anh Thạch Duy H, sinh năm 1979. Địa chỉ: Khóm X, Phường Y, thị xã R, tỉnh Bạc Liêu.

(bị cáo có mặt, bị hại vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ, ngày 15/12/2021, bị cáo Nguyễn Minh A nhìn thấy bị hại anh Thạch Duy H đặt lú (loại lú bát quái) dưới sông thuộc khu vực Khóm X, Phường Y, thị xã R, tỉnh Bạc Liêu, gần chòi vuông tôm của bị cáo, nên bị cáo nảy sinh ý định trộm cắp. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, lợi dụng đêm khuya vắng người bị cáo lén lút trộm 19 cái lú và mang về cất giấu tại vuông tôm của bị cáo. Đến khoảng 06 giờ ngày 16/12/2021 bị hại đi thăm lú thì phát hiện lú đã bị mất, nên đã trình báo đến Công an phường Y. Qua làm việc, bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội và xác định địa điểm cất giấu lú của bị hại.

Tại kết luận giám định số 07/KL-HĐĐGTS, ngày 27/01/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã Giá Rai kết luận: 19 cái lú bát quái có khung bằng kim loại hình chữ nhật, dài khoảng 10m, lưới bao bên ngoài màu xanh, tại thời điểm yêu cầu định giá theo giá thị trường mua bán, trao đổi thực tế đối với lú bát quái (đã qua sử dụng) này trên thị trường là 90.000đ/chiếc (19 cái lú x 90.000 đồng = 1.710.000 đồng).

Tại Cáo trạng số 30/CT-VKS ngày 13/5/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã R, tỉnh Bạc Liêu truy tố: Bị cáo A về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2015).

Tại phiên tòa Kiểm sát viên giữ quyền công tố, giữ nguyên Cáo trạng truy tố đối với bị cáo A về tội “Trộm cắp tài sản” và đề nghị: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự (được sửa đổi bổ sung năm 2015); xử phạt bị cáo A từ 09 tháng đến 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”

Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã trả lại 19 cái lú cho bị hại theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2015) là phù hợp.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại được tài sản, không có yêu cầu gì nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặc ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng nên hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

[2] Bị hại vắng mặt tại phiên tòa nhưng về nội dung vụ án cũng như quyền lợi của bị hại đã được làm rõ trong giai đoạn điều tra, truy tố nên việc xét xử vắng mặt bị hại là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự 2015.

[3] Về nội dung vụ án: Hội đồng xét xử xét thấy, lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra và phù hợp với lời khai của bị hại; đồng thời các lời khai của bị cáo và bị hại, đều phù hợp với các chứng cứ khác đã được thu thập trong giai đoạn điều tra và đã được thẩm tra làm rõ tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định: Khoảng 17 giờ, ngày 15/12/2021, bị cáo nhìn thấy bị hại anh Thạch Duy H đặt lú (loại lú bát quái) dưới sông thuộc khu vực Khóm X, Phường Y, thị xã R, tỉnh Bạc Liêu, gần chòi vuông tôm của bị cáo, nên đã nảy sinh ý định trộm cắp. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, lợi dụng đêm khuya vắng người bị cáo lén lút trộm 19 cái lú và mang về cất giấu tại vuông tôm của bị cáo. Đến khoảng 06 giờ ngày 16/12/2021 bị hại đi thăm lú thì phát hiện lú đã bị mất, nên trình báo đến Công an phường Y. Qua làm việc, bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội và xác định địa điểm cất giấu lú của bị hại. Tại kết luận giám định số 07/KL-HĐĐGTS, ngày 27/01/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã R kết luận: 19 cái lý bát quái có giá trị 1.710.000 đồng. Bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp, trong trạng thái đủ năng lực trách nhiệm hình sự nên hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là hoàn toàn đúng với Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã R đã truy tố.

[4] Xét tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo: Hành vi mà bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác một cách trái pháp luật, ảnh hưởng đến trật tự xã hội địa phương. Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo là người đủ năng lực chịu trách nhiệm dân sự, nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật và sẽ bị trừng trị, nhưng vì động cơ tham lam, tư lợi, lười lao động nên bị cáo đã cố ý thực hiện. Do đó, cần có hình phạt tương xứng với hành vi của bị cáo để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bản án số 49/2021/HS-ST, ngày 15/9/2021 của Toà án nhân dân thị xã R, tỉnh Bạc Liêu tuyên phạt bị cáo 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chưa được xoá án tích, thì bị cáo tiếp tục phạm tội, thể hiện hành vi xem thường pháp luật của bị cáo. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt của bị cáo theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự theo quy định pháp luật.

[6] Về vật chứng: Cơ quan điều tra đã trả lại 19 cái lú cho bị hại là phù hợp quy định pháp luật.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại được tài sản, không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không đặc ra xem xét.

[8] Xét đề nghị của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử xét thấy: Đề nghị của Kiểm sát viên về tội danh, hình phạt, xử lý vật chứng là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên được chấp nhận.

[9] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo A phải chịu 200.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo A phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Xử phạt bị cáo A 09 (chín) tháng tù.

Thời hạn chấp hành án được tính kể từ ngày bị cáo chấp hành án.

2. Về án phí: Căn cứ vào các Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử

dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo A phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- *Giao bị cáo;*
- *Giao bị hại;*
- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;*
- *Giao Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;*
- *Gửi Viện kiểm sát nhân dân cấp trên trực tiếp;*
- *Gửi Cơ quan điều tra cùng cấp;*
- *Gửi Cơ quan thi hành án hình sự*
- *Trại tạm giam nơi bị cáo giam giữ (nếu có);*
- *Lưu hồ sơ và văn phòng.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thuý